

ĐẶC TRƯNG NGÔN NGỮ - VĂN HÓA QUA MỘT SỐ TÊN LÀNG Ở HÀ TĨNH

NGUYỄN VĂN LOAN*

Astract: Place names are one of the linguistic elements that clearly reflect the “linguistic picture of the world”. As a product of a region, a separate residential area, each place name becomes the place to “store” the culture of each specific locality. Ha Tinh, a land with a depth of cultural layers, together with Nghe An form a unique cultural region known as Nghe culture or Hong Lam culture. The village is a special cultural feature associated with a typical type of place for wet rice cultivation in Vietnam. Like traditional Vietnamese villages, the village cultural space in Ha Tinh covers many aspects of people's lives here. In this article, we will present the typical features associated with the village cultural space in Ha Tinh.

Keywords: *place names, village culture, culture of Nghe, Ha Tinh, language characteristics*

1. Mở đầu

Địa danh bao giờ cũng có những mối quan hệ gắn bó, những ảnh hưởng tác động qua lại với văn hóa, lịch sử, địa lí, dân cư, ngôn ngữ nơi nó tồn tại. Nghiên cứu địa danh trong những mối quan hệ với các mặt có liên quan đó sẽ phác thảo được bức tranh toàn cảnh về cơ cấu và sự giao thoa giữa các yếu tố có ảnh hưởng lẫn nhau trên một vùng đất, từ quá khứ đến hiện tại. Vì thế, ngoài ý nghĩa đối với nghiên cứu ngôn ngữ, nghiên cứu địa danh còn làm sáng tỏ một số vấn đề khác như: địa lí, lịch sử, dân cư... Đặc biệt, nghiên cứu địa danh sẽ góp phần nghiên cứu văn hóa một vùng lãnh thổ, vấn đề đang được quan tâm hiện nay.

Với người Việt, làng là đơn vị căn bản, đơn vị hành chính, đơn vị văn hóa. Làng là “tế bào” của xã hội Việt Nam, là sản phẩm phản ánh quá trình định cư và cộng cư của người Việt. Nét nổi bật nhất trong văn hóa làng là tính cộng đồng. Đây là nét văn hóa đặc biệt tồn tại trong một không gian văn hóa đặc biệt, gắn với loại hình địa danh điển hình cho văn hóa lúa nước ở Việt Nam.

Cũng như những làng xã cổ truyền Việt Nam, không gian văn hóa làng ở Hà Tĩnh bao trùm lên nhiều phương diện của đời sống con người nơi đây. Bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày những nét tiêu biểu gắn với không gian văn hóa làng ở Hà Tĩnh.

2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa

Ngôn ngữ là thành tố của văn hóa, phương tiện của văn hóa, làm tiền đề cho văn hóa phát triển, còn văn hóa là cơ sở để chúng ta khám phá, “lí giải” những vấn đề của ngôn

* TS, Trường Đại học Hà Tĩnh

ngữ nhất là mặt ngữ nghĩa. E. Sapir khẳng định: “là một thành tố của nền văn hóa tinh thần, ngôn ngữ giữ vị trí đặc biệt của nó. Bởi vì ngôn ngữ là phương tiện tất yếu và là điều kiện cho sự nảy sinh, phát triển và hoạt động của những thành tố khác trong văn hóa. Ngôn ngữ là một trong những thành tố đặc trưng nhất của bất cứ nền văn hóa dân tộc nào. Chính trong ngôn ngữ, đặc điểm của nền văn hóa dân tộc được lưu giữ lại rõ ràng nhất...” [10, tr.103]. Đặc trưng văn hóa dân tộc được thể hiện, lưu giữ ở chỗ khi một phát ngôn chuyển tải đến người tiếp nhận thì được phân tích, tách riêng ra hình ảnh dân tộc đặc thù. Muốn giải mã ngữ nghĩa hình tượng nằm sâu trong cấu trúc của các đơn vị phát ngôn cần thiết phải am hiểu tri thức nền liên quan đến các phong tục, tập quán, lối sống, cách ứng xử của từng dân tộc, tức là phải huy động tri thức văn hóa chung, phải có cùng “tiền giả định”. Đó chính là điều mà các nhà ngôn ngữ vẫn thường nói đến như “mô hình thế giới”, hay “bức tranh ngôn ngữ về thế giới”.

Địa danh là một trong những mảng ngôn ngữ phản ánh “bức tranh ngôn ngữ về thế giới” một cách khá rõ nét. Là sản phẩm của một vùng miền, một khu vực dân cư riêng biệt, địa danh sẽ là nơi “tàng trữ” văn hóa của mỗi địa phương cụ thể. Hà Tĩnh, vùng đất có chiều sâu về các tầng văn hóa, cùng với Nghệ An hình thành nên một vùng văn hóa mang tính đặc thù - *văn hóa xứ Nghệ* hay *văn hóa Hồng Lam*. Thuật ngữ *văn hóa Hồng Lam* được sử dụng rất rộng rãi, thể hiện về sự ẩn chứa những giá trị văn hóa trong lòng các địa danh ở Nghệ Tĩnh.

3. Không gian văn hóa trong địa danh làng xã ở Hà Tĩnh

Mỗi sự vật, hiện tượng tồn tại trong một không gian nhất định. Địa danh cũng nằm trong quy luật ấy. Mỗi địa danh ứng với một không gian vật lí nhất định. Tuy vậy, dưới góc nhìn của người nghiên cứu địa danh, chúng ta không mấy quan tâm đến không gian “vật chất” ấy. Cái chúng ta quan tâm là đối tượng địa lí ấy được gọi bằng tên gì, và bằng cách nào (mặt ý nghĩa và phương thức định danh). Đối tượng địa lí có thể hình thành tự nhiên, nhưng mỗi địa danh (tên gọi các đối tượng địa lí) thì luôn gắn với con người - chủ thể định danh.

3.1. Làng với đặc trưng văn hóa khoa bảng

Xứ Nghệ là một trong những khu vực được xem là đất học, “con người nơi đây xem việc học như là một thứ “đạo”, cái “đạo” làm rạng danh gia đình, quê hương, làm rạng danh họ hàng tông tộc. Do vậy, dù cuộc sống vất vả, cơ cực, con người nơi đây vẫn luôn xây dựng được một truyền thống “hiếu học” và chính điều này đã trở thành nội lực để làm nên một vùng đất văn hiến được gọi với cái tên xứ Nghệ.

Quả vậy, như nhận xét của Le Breton: “có lẽ không có thật nhiều nơi như xứ Hà Tĩnh mà những địa danh khi được xướng lên lại kéo lên cả sách vở, học hành khoa bảng như ở

Hà Tĩnh” [6, tr.218]. Các địa danh như: *La Sơn, Thiên Lộc, Tiên Điền, Trảng Lư, Đông Thái...* gọi lên những tên người, tên dòng họ gắn với sự hiển vinh của con đường học hành khoa bảng. Những dòng họ như: dòng họ *Nguyễn Tiên Điền*, dòng họ *Phan Tùng Mai*, dòng họ *Ngô Trảo Nha*, dòng họ *Nguyễn Huy Trường Lư*, dòng họ *Phan Huy...* đã được định vị là những dòng họ gắn với khoa bảng của Việt Nam. Nhiều trường hợp, những gia đình, những dòng họ anh, em, bác, cháu, cha con,... nối tiếp nhau đỗ đạt như: họ Nguyễn Tiên Điền có Nguyễn Huệ, em ông là Nguyễn Nghiễm và cháu là Nguyễn Khản cùng đỗ tiến sĩ. Họ Phan ở Đông Thái, từ Phan Văn Nhã, Phan Đình Vận, Phan Đình Phùng... đến Phan Đình Tuyển, Phan Văn Phong, liên tiếp tám người đều thi đỗ đại khoa. Hai cha con Đình Nho Công và Đình Nho Hoàn ở Hương Sơn đều đỗ tiến sĩ; hai anh em Phan Huy Ích và Phan Huy Ôn đều đỗ tam giáp đồng tiến sĩ... Theo thống kê chưa đầy đủ trong sách *Các nhà khoa bảng Việt Nam 1705 - 1919* của tác giả Ngô Đức Thọ thì Hà Tĩnh có 142 vị đỗ Đại khoa trong đó có nhiều người đỗ đầu. Sự học của người Hà Tĩnh đã nhận được sự đánh giá cao của trí thức cả nước trong nhiều giai đoạn khác nhau không chỉ về “số lượng” mà cả “chất lượng”. Hầu như trong các cuộc “bầu chọn” những người đứng đầu đều có sự góp mặt của người Hà Tĩnh. Chẳng hạn trong *Trảng An Tứ Hổ* câu ngạn ngữ chỉ 4 người học giỏi vào khoảng thế kỉ XII gồm: Sĩ Bôi, Sĩ Bật, Quang Hiên, Tấn Đạt thì Hà Tĩnh 3 người là: Sĩ Bôi, Sĩ Bật và Quang Hiên. Trong “*Trảng An Tứ Hổ*” thế kỉ XIII, Hà Tĩnh có một đó là Hoàng giáp Vũ Diệm. Trong “*An Nam ngũ tuyệt*” Hà Tĩnh có hai vị đó là Nguyễn Du và cháu là tiến sĩ Nguyễn Hành. Câu ngạn ngữ “*Bút Cầm chỉ, sĩ Thiên Lộc*” cũng là một “cứ liệu” cho thấy sự đánh giá cao về học hành khoa bảng của người Hà Tĩnh.

Bước sang thời kì hiện đại, những trí thức mới như: GS. Phan Huy Chú; GS. Hoàng Xuân Hãn, GS. Vật lí hạt nhân Phan Đình Tứ, GS. Toán học Lê Văn Thiêm, GS. Viện sĩ Nguyễn Khắc Viện... đã nối tiếp cha ông với nét văn hóa hiếu học.

Một số điều vừa nêu nhằm chứng tỏ “*học hành khoa bảng*” đã trở thành một “*đặc trưng*” văn hóa của người Hà Tĩnh. Văn hóa hiếu học như bao trùm lên mọi tên làng, tên núi, tên sông... của Hà Tĩnh với những “*Sạc Sơn tứ diện Công Hầu*” hay “*Kiệt Thạch tam khoa tam tiến sĩ*”, làng khoa bảng Đông Thái, làng Tiên Điền với dòng họ Nguyễn, làng Trường Lư với dòng họ khoa bảng Nguyễn Huy, làng Thu Hoạch với dòng họ khoa bảng Phan Huy, làng Nguyệt Ao với La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp...

3.2. Làng với đặc trưng văn hóa diễn xướng

Một nét đặc trưng khác của người Hà Tĩnh bên cạnh sự hiếu học là yêu văn chương nghệ thuật. Hà Tĩnh có một nền văn nghệ dân gian rất phong phú, với nhiều loại hình như *vè, chèo Kiều, hát nói (ca trù), hát ví, hát dặm, hò...* Một số địa danh nổi bật với các hình thức văn nghệ dân gian này như: *ca trù Cổ Đạm* hát ví phường vải *Trường Lư*, chèo *kiều Xuân Liên...*

Hát ví, một nét văn hóa, sinh hoạt văn nghệ cộng đồng có sức cuốn hút mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân từ người bình dân cho đến bậc trí thức ở Hà Tĩnh. Có những người hát ví hay, khi chết được dân gian xem là Thần hát ví. Nổi tiếng nhất về hát ví ở Hà Tĩnh là *làng Tràng Lưu*. Thi hào Nguyễn Du đã nhiều lần đến vùng này dự các cuộc hát ví. Một số tác phẩm như *Văn tế sống hai cô gái Tràng Lưu*; *Thác lời người con trai phường nón Tiên Điền gửi người con gái phường vải Tràng Lưu*... đã minh chứng cho sự cuốn hút của ví phường vải ở Tràng Lưu.

Ngày nay, những nghệ nhân Tràng Lưu vẫn tiếp tục ví hát để tiếp nối truyền thống và lưu truyền cho những thế hệ mai sau.

Một địa danh khác gắn với sinh hoạt văn nghệ dân gian đặc sắc đó là *ca trù Cổ Đạm*. Sách *Nghi Xuân huyện chí* của Đông Hồ Lê Văn Diên chép: “Họ Phan nguyên xưa ở xã Tiên Cầu tổng Hoa Viên. Người Tiên Cầu hát hay nhưng kém khởi sắc. Họ Phan nhân có ngôi mộ kết ở Phú Lạp, bèn dời xuống ở đó, làm rể họ Nguyễn. Từ đó, ca kĩ, thanh sắc đều tốt hơn. Nghề hát truyền khắp làng, nhóm thành giáo phường, nổi tiếng gần xa” [4, tr 124]. Có thể thấy ca trù ở *Cổ Đạm* đã có một lịch sử từ rất lâu, đến đời Lê đã rất thịnh hành. Tất cả các giáo phường ở xứ Nghệ đều coi *Cổ Đạm* là gốc. Ở đây có đền thờ Tổ sư nghề hát ả đào gọi là *đền Xứ*. Đến ngày giỗ tổ, các giáo phường khắp xứ Nghệ tập trung về *Cổ Đạm* dự lễ và hát xướng. *Ca trù Cổ Đạm* không chỉ nổi tiếng trong xứ mà còn lan rộng ra khắp cả nước. Tác giả Đào Thị trong bài *Nghệ thuật cổ tục hát ả đào* nhận xét “Thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, ả đào Nghi Xuân nổi tiếng trong thiên hạ. Thời nào giáo phường Cổ Đạm cũng có những nghệ sĩ ưu tú”. (Dẫn theo [5, tr.195])

Nguyễn Công Trứ được xem là nhân vật mê hát ả đào và đã có những tác phẩm tiêu biểu của loại hình nghệ thuật này như: *Ngày tháng thanh nhàn*, *Kiếp nhân sinh*, *Chơi xuân kéo hết xuân đi*, *Trần ai ai dễ biết*.

3.3. Làng với đặc trưng văn hóa nghề thủ công truyền thống

Như nhiều địa phương khác, ở Hà Tĩnh có một số lượng khá nhiều các làng nghề truyền thống. Làng nghề thủ công là một phần quan trọng của làng xã cổ truyền ở Hà Tĩnh. Nó phản ánh các thuộc tính tự cung, tự cấp và tính khép kín của làng xã nông nghiệp ngày xưa. Làng nghề ở Hà Tĩnh còn cho thấy tính năng động, sáng tạo của người dân trong quá trình thích ứng với điều kiện địa lí, điều kiện tự nhiên. Một làng nghề được hình thành, phản ánh những vấn đề về địa lí và văn hóa nơi vùng miền đó. Sau đây chúng tôi xin điểm qua một số làng nghề tiêu biểu trên địa bàn Hà Tĩnh.

Làng rèn Vân Chàng - Minh Lang. Theo *Làng cổ Hà Tĩnh*, Ngọc Tiên là một điểm dân cư xuất hiện vào loại sớm nhất ở xứ Nghệ (xuất hiện sớm nhất ở đây là nói tới điểm cư trú trở thành một đơn vị hành chính rõ ràng). Giới khảo cổ học đã phát hiện được nhiều hiện vật gốm

thời Lý - Trần và cả riu đá, lưỡi dao găm đồng, mộ cổ trong vùng này. Điều đó khẳng định trong giai đoạn này, Ngọc Tiên là vùng đã có sự phát triển khá cao về kinh tế - văn hóa xã hội.

Ngọc Tiên được biết đến vì có hai làng rèn nổi tiếng *Vân Chàng, Minh Lang*. Sách “Thiên Lộc huyện phong thổ chí” miêu tả cảnh trí vùng này đầu thế kỉ XIX: “... Hai bên sông nhà cửa san sát, đường thủy đường bộ đều thông, có cầu, có chợ..., lại có dải đê to góp thêm cảnh đẹp. Ban đêm đi thuyền trên sông, ngược mắt nhìn ra là bờ nước mênh mông đen thẳm một màu, đèn cửa lấp lánh như sao, vắng nghe tiếng chày đập vải bồm bộp, tiếng búa nện đẽ đánh đánh, khiến người trên sông tỉnh ngủ, quên buồn; Bên sông nhiều nơi có dinh thự, đền chùa, người vào ra lũ lượt...” [5, tr 91].

Về nghề rèn ở *Vân Chàng, Minh Lang*, theo truyền ngôn là có từ đời Lý, đến nay đã gần mười thế kỉ. Từ bao đời nay, nghề rèn Vân Chàng, Minh Lang không chỉ có tiếng ở địa phương mà còn lan rộng ra cả nước. Trong khởi nghĩa Cần Vương, thợ rèn Vân Chàng, Minh Lang đã có những đóng góp về khí tài cho nghĩa quân Phan Đình Phùng. Một phó thợ có tên là Cồ Dĩ Thuần đã giúp ông Đề Thắng (Cao Thắng) chế thành công kiểu súng Tây. Trong kháng chiến chống Pháp, thợ rèn ở đây đã chế tạo, cung cấp cho dân quân du kích trong tỉnh hàng ngàn khẩu súng kíp, hàng chục tấn đạn, hàng vạn mã tấu, giáo, gươm... Trong thời kì mới rèn Đức Thuận (Vân Chàng), Trung Lương (Minh Lang) đang từng bước phát triển mạnh mẽ. Nghề đúc được du nhập thêm và sản phẩm đúc ở Trung Lương đã đạt trình độ kĩ thuật cao so với trong nước. Trong khi ngành rèn vẫn giữ “nước thép truyền thống”, kĩ thuật “xẻ sách tra thép” và “tôi” đặc sắc không nhiều nơi sánh kịp.

Làng mộc Thái Yên. Làng cổ Thái Yên có từ thế kỉ XVIII đời Trần, theo truyền ngôn, nghề mộc ở Thái Yên có từ đời Lê, do ông Nguyễn Viết Đức truyền dạy, ông vốn là quan đô úy ở Thăng Long. Thợ mộc Thái Yên rất giỏi về chạm trổ. Các công trình đền, chùa ở Hà Tĩnh đều do thợ mộc Thái Yên xây dựng. Ngoài ra thợ mộc Thái Yên còn tham gia xây dựng những công trình ở Kinh thành Thăng Long thậm chí còn trở thành công phẩm cho các triều đại phong kiến Trung Quốc. Nhiều giai thoại về các phó mộc Thái Yên đã được truyền kể, trong đó có câu chuyện về việc hai hiệp thợ cùng làm ngôi đình *nhà Đào*. Hiệp thợ *Thái Yên* do phó mộc Cửu Tiếp đảm nhận và hiệp thợ *làng Mật Thiết* do ông Quyền Tịch làm thợ cả. Đình có bốn gian, năm vì mỗi hiệp làm hai vì, còn một vì làm chung, một hiệp thợ làm phần trước một hiệp làm phần sau. Dù hai hiệp thợ làm xa nhau, độc lập với nhau nhưng khi khép dựng thì miệng miệng đều khít chặt, vừa vặn. Khi làng chấm thi xem hiệp thợ nào giỏi hơn, cả hai hiệp thợ đều làm rất đạt nhưng xem ra thì phần chạm trổ của hiệp thợ Thái Yên có phần tinh xảo hơn, làng định chấm Thái Yên giải nhất nhưng có người ủng hộ hiệp thợ của làng Mật Thiết bắt lỗi về một chi tiết trong bức chạm trổ của Thái Yên có chủ đề là “Vinh quy bái tổ”. Theo người này trong bức chạm trổ kia cửa nhà thờ không mở thì ông quan không thể vào đình lễ bái, như thế không thể gọi là vinh quy bái tổ. Làng đành xử hai hiệp thợ hòa nhau cả hai đều được nhận thưởng.

Thực hư câu chuyện này có lẽ không cần phải bàn đến, nhưng qua câu chuyện đó chúng ta biết được một điều rằng, trình độ chạm khắc của thợ mộc Thái Yên là rất tinh xảo, nếu có điểm nào đó chưa đạt thì đó là thuộc về “bố cục”, về “nội dung” sản phẩm, còn mặt kĩ thuật, mỹ thuật thì không thể bắt bẻ.

Từ sau 1945, thợ Thái Yên chuyển sang làm đồ gỗ kiểu mới: bàn, ghế, tủ... cung cấp cho nhu cầu ở thành thị. Sản phẩm của mộc Thái Yên nổi tiếng trong nước, một số sản phẩm đã xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài... Một sự kiện rất vinh dự cho lớp thợ mộc Thái Yên hiện đại là việc 7 xã viên ưu tú của hợp tác xã mộc Bình Quang từng được cử ra Hà Nội tham gia xây dựng lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây cũng là điều nhằm khẳng định tay nghề của các phó mộc *Thái Yên Hà Tĩnh*.

Trên đây, chúng tôi đã trình bày sơ lược về ba làng nghề có tính “tiêu biểu” ở Hà Tĩnh. Những làng nghề thủ công như đã trình bày mang trong mình nó nhiều giá trị vật chất và văn hóa. Các làng nghề ở Hà Tĩnh mang đầy đủ những đặc điểm của một làng nghề truyền thống Việt Nam như:

Nguyên tắc nghề nghiệp, gồm các nguyên tắc quy trình sản xuất (kĩ thuật, kĩ xảo nghề); nguyên tắc giao thương hàng hóa (coi trọng chữ tình); nguyên tắc truyền nghề (thường chỉ truyền cho đàn ông, con dâu, không truyền cho con gái vì sợ lấy chồng mang theo nghề đi sang làng khác. Khi có nhu cầu phải truyền nghề ra ngoài làng, các thợ cả trong nghề phải họp bàn, thống nhất, thường chỉ truyền các khâu cơ bản, còn những bí kíp thì không truyền ra ngoài.

Cùng với nguyên tắc nghề nghiệp là các *hoạt động tín ngưỡng* liên quan đến nghề nghiệp như: thờ tổ sư, các lễ tế, kiêng kị nghề nghiệp,... (cùng với đó là các ngày hội nghề nghiệp, các cuộc thi, các giải thưởng, các cuộc giao lưu để trao đổi giao thương hàng hóa,... Tất cả những điều này như là những “hương ước” của làng nghề và những “hương ước” này chính là nơi chứa đựng những giá trị văn hóa có tính đặc trưng cho những cộng đồng, những hội phường, những làng nghề khác nhau, làm phong phú thêm cho nền văn hóa chung của Hà Tĩnh.

4. Kết luận

Như đã đề cập, ngôn ngữ là phương tiện văn hóa cũng là thành tố của văn hóa, còn văn hóa lại là cái làm cho ngôn ngữ được biểu thị một cách “tường minh”, đa chiều. Do vậy, ngôn ngữ và văn hóa gắn bó chặt chẽ với nhau như khẳng định của E. Sapir “Trong ý nghĩa là từ vựng của một ngôn ngữ phản ánh ít nhiều trung thành với cái nền văn hóa mà ngôn ngữ đó phục vụ, thì một điều hoàn toàn đúng, là lịch sử của ngôn ngữ và lịch sử của văn hóa chuyển động theo những đường song song...” [10, tr.183].

Các địa danh ở Hà Tĩnh biểu hiện khá rõ nét dấu ấn văn hóa của con người Hà Tĩnh, chủ thể định danh. Hầu hết các loại hình địa danh đều biểu hiện những khía cạnh văn hóa

địa bàn vùng này thông qua những yếu tố có liên quan như địa lí, lịch sử, dân cư, tín ngưỡng, tâm lí... Những địa danh làng xã ở Hà Tĩnh ban đầu với những tên gọi mang tính “võ đoán” chỉ với mục đích định danh nhằm phân biệt các làng xã với nhau. Nhưng cùng với thời gian, không gian được bao chứa bởi những tên gọi ấy đã hình thành những nét khu biệt, những đặc trưng riêng. Từ đó những đặc trưng văn hóa đã hình thành trong lòng các tên gọi và được định vị một cách vững chắc. Khi một địa danh được xướng lên, hoặc nó được liên hệ với nét văn hóa khoa bảng, văn hóa diền xướng, hoặc văn hóa làng nghề truyền thống. Mỗi con người Hà Tĩnh có thể chưa bao giờ đặt chân đến làng Đông Thái nhưng họ nhận thức rõ ràng đó là tên làng gắn với rất nhiều người đỗ đạt, làm quan - làng khoa bảng. Cũng như thế một khi tên làng Thái Yên được nhắc đến ai cũng hình dung về một làng nghề mộc truyền thống nức tiếng xưa nay, còn những tên làng như Tràng Lưu, Cổ Đạm... lại được biết đến với nghệ thuật diền xướng dân gian “vang tiếng một thời” là hát ví và ca trù.

Ngôn ngữ là những tín hiệu, tự thân nó không mang giá trị văn hóa, nó chỉ trở thành những phương tiện truyền tải văn hóa một khi gắn với chủ thể định danh. Các địa danh làng xã truyền thống ở Hà Tĩnh gắn với những đặc trưng của con người Hà Tĩnh, đã trở thành những “tên gọi văn hóa”, “địa chỉ văn hóa” một cách phong phú đa dạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Âu, *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 1993.
2. Nguyễn Nhã Bản (chủ biên), Ngô Văn Cảnh, Phan Xuân Đạm, Nguyễn Thế Kỳ, *Bản sắc văn hóa của người Nghệ Tĩnh (trên dẫn liệu ngôn ngữ)*, Nxb Nghệ An, 2001.
3. Nguyễn Tài Cẩn, *Một số chứng tích ngôn ngữ, văn tự và văn hóa*, Nxb ĐHQG Hà Nội, 2001.
4. Lê Văn Diên, *Nghi Xuân địa chí*, Trần Sĩ Tịnh dịch, Bản chữ Hán và bản chép tay, Thư viện Hà Tĩnh.
5. Thái Kim Đình, *Làng cổ Hà Tĩnh*, tập 1, Sở Văn hóa - Thông tin Hà Tĩnh, 2001.
6. Hippolyte Le Breton, *An Tĩnh cổ lục*, Nguyễn Đình Khang dịch, Bản đánh máy lưu hành tại Thư viện tỉnh Nghệ An, 1936.
7. Lê Trung Hoa, *Địa danh học Việt Nam*, Nxb KHXH, 2018
8. Nguyễn Văn Loan, *Khảo sát địa danh Hà Tĩnh*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Vinh, 2012
9. Nguyễn Thị Thanh, *Địa danh Vĩnh Long qua góc nhìn văn hóa dân gian*, Luận án Tiến sĩ, Học viện KHXH, 2017
10. Sapir E.W, *Ngôn ngữ - Dẫn luận vào việc nghiên cứu tiếng nói*, Bản dịch của Vương Hữu Lễ, Trường ĐH KHXH&NV Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.